

KINH KHÔNG TƯỚNG VƯƠNG CHÚ _QUYÊN HA_

Hán dịch: Đòi Lương_ Phù Nam Tam Tạng TĂNG GIÀ BÀ LA
(Saṃghavarman, hoặc Saṅghapāla)

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Sưu tập Phạm Chú: HUYỀN THANH

_ Này A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của 28 vị **Dạ Xoa Đại Quân Chủ**, thủ hộ mười phương quốc thổ.

.) A Nan! Phương Đông có bốn vị Dạ Xoa Đại Quân Chủ trụ ở phương Đông, thường thủ hộ phương Đông. Các vị ấy tên là:

Địa Ha (Dīrgha: Đòi Lương nói là *Trường*. Bản khác nói là *Đại Trường*)

Tu Niết Đa La (Sunetra: Đòi Lương nói là *Thiện Căn*. Bản khác nói là *Diệu Mục*)

Giới Na Kha (Pūrṇaka: Đòi Lương nói là *Mãn*. Bản khác nói là *Viên Mãn*)

Ca Tì La (Kapila: Đòi Lương nói là *Hoàng Sắc*)

Dùng **Đại Không Tướng Vương Chú** này, ủng hộ tôi (họ tên...). Nguyên sống trăm tuổi

.) A Nan! Phương Nam có bốn vị Dạ Xoa Đại Quân Chủ trụ ở phương Nam, thường thủ hộ phương Nam. Các vị ấy tên là:

Tăng Già (Simha: Đòi Lương nói là *Sư Tử*)

Ưu Ba Tăng Già (Upasimha: Đòi Lương nói là *Sư Tử Tử*. Bản khác nói là *Tiểu Sư Tử*)

Thường Khởi La (Śaṅkhara: Đòi Lương nói là *Loa*)

Chiên Đà Na (Candana: Đòi Lương nói là *Chiên Đàn*)

Dùng **Đại Không Tướng Vương Chú** này, thường ủng hộ tôi. Nguyên sống trăm tuổi

.) A Nan! Phương Tây có bốn vị Dạ Xoa Đại Quân Chủ trụ ở phương Tây, thường thủ hộ phương Tây. Các vị ấy tên là:

Ha Lợi (Hari: Đòi Lương nói là *Sư Tử*)

Ha Lợi Chỉ Xá (Upasimha: Đòi Lương nói là *Sư Tử Phát*. Bản khác nói là *Sư Tử Kế*)

Ba La Phó (Prabhū: Đòi Lương nói là *Tự Tại*)

Băng Già La (Piṅgala: Đòi Lương nói là *Thương Sắc* tức màu cỏ xanh biếc. Bản khác nói là *Thanh Sắc*)

Dùng **Đại Không Tướng Vương Chú** này, thường ủng hộ tôi. Nguyên sống trăm tuổi

.) A Nan! Phương Bắc có bốn vị Dạ Xoa Đại Quân Chủ trụ ở phương Bắc, thường thủ hộ phương Bắc. Các vị ấy tên là:

Đà La Na (Dharaṇa: Đòi Lương nói là *Trì*. Bản khác nói là *Năng Trì*)

Đà La Nan Đà (Dharananda: Đòi Lương nói là *Hoan Hỷ*. Bản khác nói là *Tri Hỷ*)

Uất Dữu Già Ba La (Udyogapāla: Đòi Lương nói là *Cần Thủ*. Bản khác nói là *Cần Hộ*)

Biệt Già Na (Viṣṇu: Đòi Lương nói là *Vi*. Bản khác nói là *Thiên Danh*)
Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường ủng hộ tôi. Nguyên sống trăm tuổi

) A Nan! Bốn góc có bốn vị Dạ Xoa Đại Quân Chủ trụ ở bốn góc, thường thủ hộ bốn góc. Các vị ấy tên là:

Bát Chỉ Kha (Pāñcika: Đòi Lương nói là *Ngũ*. Bản khác nói là *Hữu Ngũ*)

Bát Già La Chiên Đàn (Pāñcālaṅgaṇḍa: Đòi Lương nói là *Ngũ Khả Ủy*. Bản khác nói là *Ngũ Xứ*)

Bà Đa Kì Lê (Sātāgiri: Đòi Lương nói là *Thất Sơn Chủ*. Bản khác nói là *Bình Sơn*)

Hề Già Bà Đa (Haimavata: Đòi Lương nói là *Tuyết Sơn Chủ*. Bản khác nói là *Tuyết Sơn*)

Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường ủng hộ tôi. Nguyên sống trăm tuổi

) A Nan! Bốn phương dưới có bốn vị Dạ Xoa Đại Quân Chủ trụ ở bốn phương dưới, thường thủ hộ bốn phương dưới. Các vị ấy tên là:

Bộ Ma (Bhūma: Đòi Lương nói là *Địa*)

Tu Bộ Địa (Subhūma: Đòi Lương nói là *Thiện Địa*. Bản khác nói là *Diệu Địa*)

Kha La (Kāla: Đòi Lương nói là *Hắc*)

Ưu Ba Kha La (Upakāla: Đòi Lương nói là *Tiểu Hắc*)

Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường ủng hộ tôi. Nguyên sống trăm tuổi

) A Nan! Bốn phương trên có bốn vị Dạ Xoa Đại Quân Chủ trụ ở bốn phương trên, thường thủ hộ bốn phương trên. Các vị ấy tên là:

Tô Ma (Soma: Đòi Lương nói là *Nguyệt*. Bản khác nói là *Nguyệt Thần*)

Tu Lợi (Sūrya: Đòi Lương nói là *Nhật*. Bản khác nói là *Nhật Thần*)

Ác Kì Ni (Agni: Đòi Lương nói là *Hỏa*. Bản khác nói là *Hỏa Thần*)

Bà Dũ (Vāyu: Đòi Lương nói là *Phong*. Bản khác nói là *Phong Thần*)

Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường ủng hộ tôi. Nguyên sống trăm tuổi

_ Này A Nan nên chọn lấy tên gọi của **Thiên Quân Chủ** là các anh em của **Tỳ Sa Vương** (Vaiśravaṇa-rāja), thường thủ hộ chúng sanh, trừ bỏ tai hại tất cả não loạn của Thế Gian, vì nhiếp thọ Thế Gian mà đi vòng khắp Thế Gian. Các vị ấy tên là:

Nhân Đà La (Indra: Đòi Lương nói là *Đế Thích*)

Tô Ma (Soma: Đòi Lương nói là *Nguyệt*)

Bà Lô Na (Varuṇa: Đòi Lương nói là *Long*. Theo người dịch là *Thủy Thiên*)

La Xà Ba Đê (Prajāpati: Đòi Lương nói là *Chủ Thế*)

Pha La Đọa Xà (Bharadvāja: là **Tính**)

Y Xa Na (Īśaṇa: Đòi Lương nói là *Tự Tại*)

Chiên Đà Na (Candana: Đòi Lương nói là *Chiên Đàn*)

Kha Ma Thí Ly Sa Đa (Kāma-sreṣṭha: Đòi Lương nói là *Thắng Dục*)

Đĩ Ni Diên Xoa (Kunikaṇṭha: Đòi Lương nói là *Linh Thanh, tiếng chuông*)

Ni Diên Tha Kha (Nikaṇṭhaka: Đòi Lương nói là *Vô Oán*)

Ba Lợi Ma Ni (Vadirm-maṇi: Đòi Lương nói là *Châu Lược, sức của viên ngọc*)

Ma Ni Già La (Māṇicara: Đòi Lương nói là *Châu Hạnh*)

Ba La Na Đà (Praṇāda: Đòi Lương nói là *Đại Thanh, tiếng lớn*)

Ưu Ba Bát Chỉ Cả (Upapañcika: Đòi Lương nói là *Tiểu Ngũ*)

Bà Đa Kì Lê (Sātāgiri: Đồi Lương nói là *Thất Sơn*)

Hề Ma Bà Đa (Haimavata: Đồi Lương nói là *Tuyết Sơn Chủ*)

Giới Na Kha (Pūrṇaka: Đồi Lương nói là *Mãn*)

Kha Đà La Cổ Tì Đà (Khadira-kovidā: Đồi Lương nói là *Thu Danh, tên gọi của cái cây*)

Cồ Ba La (Gopāla: Đồi Lương nói là *Thu Địa*. Theo người dịch là *Hộ Ngưu*)

A Đa Ba Kha (Āṭavaka: Đồi Lương nói là *Lâm, khu rừng*. Theo người dịch là *Khoáng Dã Thân*)

Na La La Xà Xã Na Lý (Nārārāja-jinārgabha: Đồi Lương nói là *Chúng Ngưu Vương*. Theo người dịch là *Nhân Vương Thắng Chủ Tạng*)

Bát Già La Chiên Đà (Pāñcālaganḍa: Đồi Lương nói là *Khả Úy*)

Tu Mộc Kha (Sumukha: Đồi Lương nói là *Thiện Ý*)

Chất Đa La Tiên Na Càn Thất Bà (Citrasena-gandharva: Đồi Lương nói là *Chúng Chúng Kỹ Nhạc*)

Đề Lê Phả Lý (Triphalī: Đồi Lương nói là *Tam Quả*)

Đề Lý Can Kha Đa (Catrikaṇṭhaka: Đồi Lương nói là *Tam Thứ*)

Trì La Kha Thích Đề Ma Đa Lợi (Dīrgha-śakti-mātali : Đồi Lương nói là *Điều Trường Sóc*)

Đại Dạ Xoa này tổng lãnh các Quân, có sức Thần Thông, có quang minh, danh tiếng đều là anh em của Tì Sa Vương. Đức vua thường nhắc nhở dạy bảo các Dạ Xoa thường gây phiền não cho kẻ khác chẳng buông tha này. Anh em của Tì Sa Vương dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm năm. Nguyện thủ hộ khi tranh đấu đánh nhau. Nguyện thủ hộ khi bị Người, Trời, thần bắt

Khi bị hàng **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **A Tu La** (Asura), **Ma Lâu Đa** (Maruta), **Già Lâu Đa** (Garuḍa), **Càn Thất Bà** (Gandharva), **Khẩn Na La** (Kinnara), **Ma Hầu La Già** (Mahoraga), **Dạ Xoa** (Yakṣa), **La Sát Bà** (Rākṣasa), **Ba Ly Đa** (Preta), **Tì Thiết Già** (Piśāca), **Bộ Đa** (Bhūta), **Cưu Bàn Trà** (Kumbhaṇḍa), **Phú Đa Na** (Putana), **Kha Đa Phú Đa Na** (Kaṭaputana), **Sa Vu Đà** (Skanda), **Oán Ma Đà** (Unmāda), **Xa Đa** (Chāya), **A Cự Bà Ma La** (Apasmara), **Uất Đa La** (Ostakara), **Nặc Khí Đa La** (Nakṣatra), **Ly Ba** (Ripu) ...thâu bắt. Nguyện thường ủng hộ.

Loài ăn hơi thở, loài ăn bào thai, loài ăn máu với màng mỡ ở ruột, loài ăn thịt. Loài ăn: Thọ Mạng, bụi cây, hương, hoa, tóc, mọi loại hoa quả với thứ thiêu đốt trong lửa. Nguyện xin thủ hộ.

Sự Nghiệp Kha Cô La Đà, Yểm Quỷ, Kì Nhân Quỷ, Hoán Nhân Quỷ, Khởi Phong Quỷ, Sứ Quỷ, Khởi Thi Quỷ, Dị Thanh Quỷ, Bình Quỷ, Ác Thực, Ác Thóa, Ác Ảnh, Ác Kiến, Ác Thư, Ác Độ. Từ sự kinh sợ này, giặc cướp, nước, lửa, quân cơ, chết không đúng thời, động đất, cọp, sói, oan gia...Nguyện đều tiêu trừ mọi sự đáng sợ như vậy.

Đau đầu, chẳng ăn được. Tai, mắt, lưỡi, miệng, răng nanh, răng, cổ, gò má, tim, ngực, cần cổ, hông sườn, bụng, lưng, bắp chân, bắp vế, bàn tay, bàn chân, thân thể, tất cả chi tiết...các chỗ đau nhức như vậy, nguyện đều tiêu trừ.

Hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, 15 ngày...ngày tháng Thiên Thời gây ra bệnh nóng lạnh với bệnh do Quỷ làm, bệnh do gió lạnh hòa hợp với Đàm Âm gây ra. Tất cả bệnh đau nhức với sự độc ác đáng sợ.... đây là oán hờn của tôi, một thời nguyện đều tiêu diệt.

_ Đây A Nan! Mười hai vị Đại Nữ Quỷ thường thủ hộ Bồ Tát khi vào bào thai, khi sanh ra, sau khi sanh ra. Thế nào là mười hai? Tên ấy như vậy: **Lam Bà** (Lambā),

Tỳ Lam Bà (Vilambā), **Bà La Lam Bà** (Pralambā), **Ưu Lam Bà** (Olambā), **Ha Lê Đê** (Hārīti), **Ha Lê Chỉ Thỉ** (Harikesī), **Ha Lê Bãng Già La** (Haripiṅgala), **Kha Lê** (Kāli), **Kha La Lê** (Karalī), **Cam Bộc Kì Lê Bà** (Kambugrīvā), **Kha Dī** (Kākī), **Kha La Thu Đà Lợi** (Kalaśodakī)

Mười hai vị Đại Nữ Quỷ này có ánh sáng, tiếng tăm, Thần Thông, có Đại Lực, thường cùng với **Đê Bà** (Deva: hàng Trời), A Tu La đánh nhau. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

_ Đây A Nan! Lại có tám vị Đại Nữ Quỷ thường thủ hộ Bồ Tát khi vào bào thai, khi sanh ra, sau khi sanh ra. Thế nào là tám? Tên ấy như vậy: **Ma Đà Ma Đà Na** (Madā-madanā), **Ma Thoát Kha Đa** (Madotkaṭā), **Ưu Ba Ma Đà** (Upamadā), **Ba Lê Đê** (Pretī), **Ưu Xà Ha Lê** (Ojāhāri), **Ưu Xà Ha Lê Ni** (Ojāhārinī), **A Xá Ni** (Asanī), **Già La Bà Ni** (Girasani)

Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

_ Đây A Nan! Lại có bảy vị Đại Nữ Quỷ thường ăn máu thịt và tiếp chạm gây phiền não cho con người, thủ hộ Bồ Tát khi vào bào thai, khi sanh ra, sau khi sanh ra. Thế nào là bảy? Tên ấy như vậy: **Ác Già Lô Trì Kha** (Agrotikā), **Lạc Khởi Đê Ca** (Rakṣitika), **Chát Đa La Tỳ Thiết Chỉ Kha** (Citripiśācikā), **Phần Na Bạt Trĩ Lý Kha** (Pūrṇa-bhadrikā), **Ác Kì Ni Lạc Khởi Đê Ca** (Agni-rakṣitikā), **Mật Đa La Kha** (Mitra-kālikā), **Lý Cá Lý Sử Khởi Đê Ca** (Ṛṣi-rakṣitikā)

Bảy vị Đại Nữ Quỷ này có ánh sáng, tiếng tăm, Thần Thông, thường cùng với **Đê Bà** (Deva: hàng Trời), A Tu La đánh nhau. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

_ Đây A Nan! Lại có năm vị Đại Nữ Quỷ thường thủ hộ Bồ Tát khi vào bào thai, khi sanh ra, sau khi sanh ra. Thế nào là năm? Tên ấy như vậy: **Quân Noa A** (Kuṇṭhā), **Đê Quân Sĩ** (Nikuṇṭhā), **Nan Đà** (Naṃdā), **Tần Tế La** (Viṣṇulā), **Ca Tì** (Kapilā)

Năm vị Đại Nữ Quỷ này có ánh sáng, tiếng tăm, Thần Thông. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

_ Đây A Nan! Lại có tám vị Đại La Sát Nữ uống máu, ăn thịt, tiếp chạm gây phiền não cho con người, thường thủ hộ Bồ Tát khi vào bào thai, khi sanh ra, sau khi sanh ra. Thế nào là tám? Tên ấy như vậy: **Mưu Ha** (Mohā), **A Thỉ Ma** (Susīmā), **Đẳng Cru Thích Khí** (Kuśākṣī), **Chỉ Thỉ Ni** (Keśanī), **Cam Bô Thỉ** (Kambojī), **A Mật Đa La** (Sumitrā), **Lỗ Hỉ Đa Đà** (Lohitākṣī), **Kha La La** (Kātarā)

Quý này uống máu, ăn thịt, thường chọn lấy Đồng Nam Đồng Nữ với nhà có người mới sinh đẻ, luôn đi theo con người, hoặc vào nơi trống vắng, hoặc kên tên gọi của con người, luôn hút Tinh Khí của con người, không có Tâm Từ Bi, rất ư đáng sợ.

Tám vị Đại La Sát Nữ này có ánh sáng, Thần Thông. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

_ Đây A Nan! Lại có mười vị Đại La Sát Nữ thường thủ hộ Bồ Tát khi vào bào thai, khi sanh ra, sau khi sanh ra. Thế nào là mười? Tên ấy như vậy: **Ha Lê Đê La Sát**

Nữ (**Harīti-rākṣasī**), **Nan Đà** La Sát Nữ (**Nandā-rākṣasī**), **Sát Bạng Già** La La Sát Nữ (**Piṅgalā-rākṣasī**), **Thường Khởi Ni** La Sát Nữ (**Samkhinī-rākṣasī**), **Kha Lý Cá** La Sát Nữ (**Kālikā-rākṣasī**), **Đề Bà Mật Đa** La La Sát Nữ (**Devamitrā-rākṣasī**), **Quân Đa** La Sát Nữ (**Kunta-rākṣasī** ? Kumbhaṇḍā-rākṣasī), **Quân Đa Đường Tỉ Đa** La Sát Nữ (**Kunta-daṃṣṭrā-rākṣasī**: Đồi Lương nói là *Bạch Nha*), **Lam Tì Cá** La Sát Nữ (**Lambikā-rākṣasī**), **A Na La** La Sát Nữ (**Analā-rākṣasī**).

Mười vị Đại La Sát Nữ này có ánh sáng, Thần Thông. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

— Này A Nan! Lại có mười hai vị Đại La Sát Nữ. Thế nào là mười hai? Tên ấy như vậy: **A Na Đề Lý Cá** La Sát Nữ (**Anāsikā-rākṣasī**), **Tam Vật Đà** La La Sát Nữ (**Samudrā-rākṣasī**), **Lão Nại Lý** La Sát Nữ (**Raudrā-rākṣasī**), **Ba La Na Đà** La Sát Nữ (**Prāṇahāriṇī-rākṣasī**), **Bật Đà Thí** La La Sát Nữ (**Vidyādhara-rākṣasī**), **Tha Thố Thí** La La Sát Nữ (**Dhanurdhara-rākṣasī**), **Xa La Đà** La La Sát Nữ (**Śaradharā-rākṣasī**), **Đà Tử Đà** La La Sát Nữ (**Asīdharā-rākṣasī**), **Chước Kha La Đà** La La Sát Nữ (**Cakradharā-rākṣasī**), **Chước Kha La Bà Đà** La Sát Nữ (**-Cakravāḍā-rākṣasī**), **Tì Bì Tỉ Na** La Sát Nữ (**Vibhīṣaṇā-rākṣasī**: [**Đan Bản** ghi chú: thiếu một tên nữ nên dịch khác là **Khả Úy La Sát Nữ**]). [Theo người dịch thì tên vị La Sát Nữ bị thiếu là **Trì Lê** La Sát Nữ (**Haladharā-rākṣasī**)]

Mười hai vị Đại La Sát Nữ này dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú**, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

— Này A Nan! Lại có mười hai vị Quý Mẫu thường tiếp chạm gây phiền não cho chúng sanh. Thế nào là mười hai? Tên ấy như vậy: **Bà La Mĩ** (**Brāhmī**), **Lưu Trì Lợi** (**Raudrī**), **Cao Ma Lợi** (**Kaumārī**), **Tỳ Sa Na Tì** (**Vaiṣṇavī**), **Y Trì Lợi** (**Aindrī**), **Bà La Hĩ** (**Vārāhī**), **Cao Bà Lợi** (**Kauverī**), **Bà Lô Ni** (**Vāruṇī**), **Đã** (**Yamyā**), **Bà Diệp Bà Dạ** (**Vāyuvyā**), **Ni Kì Ni Dạ** (**Āgneyī**), **Ma Ha Kha Lợi** (**Māhā-kālī**)

Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

- Này A Nan! Lại có một vị **Đại Bĩ Sa Chỉ La Sát Phụ**, trụ ở bên bờ biển, nghe mùi máu cách xa tám vạn dặm, một đêm đi vòng quanh, thường thủ hộ Bồ Tát khi vào bào thai, khi sanh ra, sau khi sanh ra. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

Tên vị ấy là: [**?**Nhất Kế (**Ekajaṭā**)]

“**Ha ly, kha ly, khâu ly, ma ly, nhĩ ly, mẫu ly, mạt trí, mạn trì để sí, hồng lâu hồng lâu hồng lâu hồng lâu, lậu lậu lậu lậu, nhĩ lợi nhĩ lợi nhĩ lợi, tát tử để tát tử để tát tử để.** Hộ giúp tôi (họ tên...) với quyền thuộc, sa ha”

[Hare, khare, khure, male, mile, mule, matte, maṇḍintike, hulu hulu, hulu hulu, miḍi miḍi, miḍi miḍi, svasti, svasti, svasti, svasti. Hộ giúp tôi (họ tên...) với quyền thuộc svāhā]

— Này A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của Đại La Sát Nữ. Tên ấy như vậy:

1_ **Ca Bĩ La** (**Kapilā**)

2_ **Ba Đầu La** (**Padumā**)

3_ **Ma Hi Sử** (**Mahiṣī**)

- 4_ **Mao Lợi Cá** (Morikā)
- 5_ **Đa Đê Cá** (Nādikā)
- 6_ **Tọa La Na** (Jvalanī)
- 7_ **Tỳ Ma La** (Vimalā)
- 8_ **Đà La Ni** (Dharaṇī)
- 9_ **Ha Lý Chiên Đà La** (Hariścandrā)
- 10_ **Lũ Hỉ Ni** (Rohinī)
- 11_ **Ma Lê Chỉ** (Mārīcī)
- 12_ **Hồng Đa Nê Ni** (Hutāsānī)
- 13_ **Bà Lâu Ni** (Vāruṇī)
- 14_ **Kha Lợi** (Kalī)
- 15_ **Kha Lôn Chí** (Kuñjā)
- 16_ **Bà La** (Valā)
- 17_ **Già La Bà Ni** (Grasanī)
- 18_ **Kha La Lợi** (Karālī)
- 19_ **Ma Đẳng Kì** (Mataṅgī)
- 20_ **Băng Già La** (Piṅgalā)
- 21_ **Bàn Thâu La** (Vidurā)
- 22_ **Cồ Lợi** (Gaurī)
- 23_ **Kiên Tha Lợi** (Gandhārī)
- 24_ **Cru Mạn Địa** (Kumbhaṇḍī)
- 25_ **Kha Lang Kí** (Kāraṅgī)
- 26_ **Ba La Ni** (Rāvaṇī)
- 27_ **Ma Đà Ni** (Madanī)
- 28_ **A Xa Ni** (Aśanī)
- 29_ **Yết Bà Ha Lê Ni** (Garbhāhāriṇī)
- 30_ **Lâu Trì La Ha Lê Ni** (Rudhirāhāraṇī)
- 31_ **Đàn Lâu La** (Danturā)
- 32_ **Uất Đa La Bà Ni** (Uttrāsānī)
- 33_ **Ha Bà Lý Kha** ()
- 34_ **Bà La Mĩ** (Brāhmī)
- 35_ **Đa Đa Kha Ba Lợi** (Taḍāgapālinī)
- 36_ **Bạt Xà La Đà La** (Vajradharā)
- 37_ **Bà Can Đà** (Skandā)
- 38_ **Đa Mĩ La** (Tapanī)
- 39_ **Bà Lợi Sa Ni** (Varṣaṇī)
- 40_ **Yết Xà Ni** (Garjjanī)
- 41_ **Bà Phủ Đa Ni** (Sphoṭanī)
- 42_ **Bật Đệ Dữu Đa Ni** (Vidyotanī)
- 43_ **Thượng Già Ma** (Jaṅgamā)
- 44_ **Uất La Kha Mẫu Khởi** (Ulkāmukhī)
- 45_ **Bà Tuyên La Tha** (Vasudharā)
- 46_ **Cả La Lại Đê Lý** (Kālarātrī)
- 47_ **Đã Ma Đầu Đê** (Yamadūtī)
- 48_ **A Bà La** (Amalā)
- 49_ **Xa Bà La** (Acalā)
- 50_ **Uất Nọa Ha Xà Đa** (Urddhajāṭa)
- 51_ **Xả Đa Bà Hồng** (Śatabāhu)

- 52_ **Xả Đa Niết Đa La** (śatanetrā)
 53_ **Già Đa Ni** (Ghātanī)
 54_ **Mạt Đà Ni** (Mardanī)
 55_ **Mạt Xà Lợi** (Mārjārī)
 56_ **Tì Lạc Khởi**
 57_ **Ni Xả Già Lê** (Niśacarā)
 58_ **Địa Bà Sa Già Lợi** (Divāśacarā)
 59_ **Mạn Địa Đê Cả** (Maṇḍitikā)
 60_ **Cả La Tha Na** (Krodhanā)
 61_ **Tì Hê Tha Ni** (Viheṭhanī)
 62_ **A Tử Mẫu Bà La Tha La** (Aśimuṣaladharā)
 63_ **Đê Lý Thủ La Ba Ni** (Triśūlapānī)
 64_ **Đa Ma** (Somā)
 65_ **La** (?Vanta)
 66_ **Cả La Đàn Đê** (Karāla-dantī)
 67_ **Ma Nộ La Ma** (Manoramā)
 68_ **Đàn Đà** (Caṇḍā)
 69_ **Hi Trầm Ba** (Hitimbā)
 70_ **Ni La** (Nīlā)
 71_ **Chất Đa La** (Citrā)

Bảy mươi một vị Đại La Sát Nữ này có tiếng ăm, ánh sáng, sắc đẹp, Thần Thông, thường cùng với Đại Lực Đê Bà, A Tu La chiến đấu. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này, thường thủ hộ tôi, nguyện sống trăm tuổi.

Tên ấy như vậy:

“Hi lợi hi lợi, nhĩ lợi, đát đa đa bạt trí, bác sí bác sí, hô ly hô ly, đà la đà la, ha la ha la, già la già la, trừu lâu trừu lâu, sa ha
Na mạc tát bà phật đà na, sa ha
Bích Chi Phật Đà Nam, sa ha
A La Hán Đa Nam, sa ha
Mễ tí át tử dã (tức Di Lạc vậy) bồ đà tát-phạ, sa ha
Tát bà bộ địa tát đỏa nam, sa ha
A na kiềm mĩ nam, sa ha
Bà dĩ lê đa kiềm nhĩ nam, sa ha
Du lô đa bán na nam, sa ha
Tam miệu già đa nam, sa ha
Tam miệu ba la đê bán na nam, sa ha
Bà la ma da, sa ha
Ba la xà ba đa dịch, sa ha
Y sa na da, sa ha
Ác gia na dịch, sa ha
Ba dã tì, sa ha
Bà lữ na da, sa ha
Dã ma da, sa ha
Ưu biên đà la da, sa ha
Tỳ sa la bà da, dược xoa địa ba đa dịch, sa ha
Đa lý đa lại đa la da, càn thát bà địa ba đa dịch, sa ha
Tì lâu tha kha da, curu bàn trà địa ba đa dịch, sa ha
Tì lữ bác xoa gia, na già địa ba đa dịch, sa ha

Đề bà nam, sa ha
Na già nam, sa ha
A tu la nam, sa ha
Ma lâu đa nam, sa ha
Già lâu đa nam, sa ha
Càn thát bà nam, sa ha
Khẩn na la nam, sa ha
Ma hầu la già nam, sa ha
Dược xoa nam, sa ha
Lạc xoa na nam, sa ha
Bỉ lý đa nam, sa ha
Bỉ xá tra nam, sa ha
Bộ đa nam, sa ha
Cưu bàn trà nam, sa ha
Phú đa na nam, sa ha
Kha đa phú đa na nam, sa ha
Sa can đà nam, sa ha
Uần ma đà nam, sa ha
Xa Đa nam, sa ha
A bối bà ma la nam, sa ha
Uất đa la kha na nam, sa ha
Chiên đà la, tu lý dụ nam, sa ha
Nặc sát đa la nam, sa ha
Già la ha na nam, sa ha
Thọ để sa nam, sa ha
Tì sa nam, sa ha
Lý sử nam, sa ha
Tất tha nam, sa ha
Tất tha bà la đa nam, sa ha
Tất tha bạt đà da nam, sa ha
Cồ lý dịch, sa ha
Càn tha lý dịch, sa ha
Thưởng cầu lê dịch, sa ha
A nhĩ lý đa da, sa ha
Già bỉ để dịch, sa ha
Đà la nhĩ địa dịch, sa ha
Xa bà lý dịch, sa ha
A xà bà na da, sa ha
Chiên đà lý dịch, sa ha
Ma đương kì dịch, sa ha
Na già hỉ lý đà da dã, sa ha
Già lâu đà hỉ lý đà da dã, sa ha
Ma nại tuy ni dịch, sa ha
Ma ha ma nại tuy ni dịch, sa ha
Xà đà xoa lê dịch, sa ha
Ma ni bạt đà la da, sa ha
Sa mạn đa la bạt đà la da, sa ha
Ma ha sa ma đà da, sa ha

Ma ha ba la đễ sa la na da, sa ha
Thỉ đả bà na da, sa ha
Ma ha thỉ đả bà na da, sa ha
Đàn đầ đầ la ni dịch, sa ha
Ma ha đàn đầ đầ la ni dịch, sa ha
Mẫu chỉ ly na la da, sa ha
Ma ha mẫu chỉ ly na la da, sa ha
Xà diên đễ dịch, sa ha
Tiêm đễ dịch, sa ha
A xá cả lý đả da, sa ha
Ma ha dụ lợi bật đả da la xà, sa ha”

[Hili hili, mili mili, taḍatavaḍe, vakke vakke, hore hore, dhara dhara, hara hara, cala cala, culu culu, svāhā

Namaḥ sarva buddhānāṃ svāhā
Pratyeka buddhānāṃ svāhā
Arhatānāṃ svāhā
Maitreyasya bodhisatvāsya svāhā
Sarva bodhisatvānāṃ svāhā
Anāgāmināṃ svāhā
Sakṛdāgāmināṃ svāhā
Srotāpannānāṃ svāhā
Samyaggatānāṃ svāhā
Samyakpratipannānāṃ svāhā
Brahmāya svāhā

[Kinh bản thiếu câu này: **Indrāya svāhā**]

Prajāpataye svāhā
Īśānāya svāhā
Agnaye svāhā
Vāyave svāhā
Varuṇāya svāhā
Yamāya svāhā
Upendrāya svāhā
Vaiśravaṇāya yakṣādhipataye svāhā
Dhṛtarāṣṭrāya gandharvādhipataye svāhā
Virūḍhakāya kumbhaṇḍādhipataye svāhā
Virūpākṣāya nagādhipataye svāhā
Devānāṃ svāhā
Nāgānāṃ svāhā
Asurānāṃ svāhā
Marutānāṃ svāhā
Garuḍānāṃ svāhā
Gandharvānāṃ svāhā
Kinnarānāṃ svāhā
Mahoragānāṃ svāhā
Yakṣānāṃ svāhā
Rākṣasānāṃ svāhā
Pretānāṃ svāhā
Piśācānāṃ svāhā
Bhūtānāṃ svāhā

Kumbhaṇḍānāṃ svāhā
Putatānāṃ svāhā
Kaṭaputanānāṃ svāhā
Skandānāṃ svāhā
Unmāḍānāṃ svāhā
Cchāyānāṃ svāhā
Apsmārānāṃ svāhā
Ostārakānāṃ svāhā
Candra sūryayo svāhā
Nakṣatrāṇāṃ svāhā
Grahāṇāṃ svāhā
Jyotiṣāṇāṃ svāhā
Viṣāṇāṃ svāhā
Ṛṣiṇāṃ svāhā
Siddhānāṃ svāhā
Siddha-vratānāṃ svāhā
Siddhya-vidyānāṃ svāhā
Gaurīye svāhā
Gāndhārīye svāhā
Jāngulīye svāhā
Amṛtāyai svāhā
Cāpeṭīye svāhā
Drāmiḍīye svāhā
Śavarīye svāhā
Athārvaśavarāye svāhā
Caṇḍālīye svāhā
Mātāṅgīye svāhā
Nāga-hṛdayāya svāhā
Garuḍa-hṛdayāya svāhā
Mānasīye svāhā
Mahā-mānasīye svāhā
Ṣaḍakṣarīye svāhā
Maṇi-bhadrāya svāhā
Samanta-bhadrāya svāhā
Mahā-samāya svāhā
Mahā-pratisarāya svāhā
Śītavanāya svāhā
Mahā-śītavanāya svāhā
Daṇḍa-dhāraṇīye svāhā
Mahā-daṇḍa-dhāraṇīye svāhā
Mucilindāya svāhā
Mahā-mucilindāya svāhā
Jayantīye svāhā
Śāntīye svāhā
Aśva-kṛtāya svāhā
Mahā-mayūrya-vidya-rājāya svāhā]

Dùng **Đại Minh Đại Chú Đại Hành Đại Hộ** này khiến cho tôi (họ tên...) diệt
sự nghiệp ác. Trừ Yêm Quỷ, Khởi Thi Quỷ, Tác Thanh Quỷ, Bình Quỷ, Vô Đầu Quỷ,

Điên Giản Quỷ, Bồ Nhân Quỷ, Tiêu Độc Hấp Khí, Ác Thực, Ác Thóa, Ác Ảnh, Ác Kiến, Ác Thư, Ác Độ, Tịch Huyện Quan

Trừ nóng lạnh: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, nửa tháng, một tháng. Hoặc việc do Thiên Thời gây ra, Quỷ gây ra, gió lạnh, Đàm Âm, tất cả hòa hợp chột nóng chột lạnh.

Trừ đau đầu, chẳng ăn được. Mắt, lưỡi, gò má, răng, cổ, hàm răng, cần cổ, tai, tim, hông sườn, lưng, bụng, đầu gối..bị cảm gió. Tay, chân, thân thể, chi tiết bị đau buốt

Trừ các Chấp Lục, tất cả bệnh độc

Nguyện ngày đêm an ổn. Nguyện Phật rũ thương ban cho

“Na mô tử đầu phật đà da

Na mô tử đầu bồ đà da

Na mô tử đầu san đà da

Na mô tử đầu san đà dã

Na mô ti mộc đà da

Na mô ti mộc đà dã

Na mô tử đầu mộc đà da

Na mô tử đầu mộc đà dã

[Namostu buddhāya

Namostu buddhāye

Namostu śāntāya

Namostu śāntāye

Namo vimuktāya

Namo vimuktāye

Namostu muktāya

Namostu muktāye]

Bà la ma na, bà hi đa, ba bán đạt ma đê anh na ma, na ma cơ lật đỏa, sa tử đê sa tử đê

Nguyện hộ giúp tôi (họ tên...) khi vào bào thai”

_ Nay A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của các vị **Long Vương** (Nāga-rāja). Tên ấy như vậy:

Phật Thế Tôn Long Vương (**Buddho-bhagavān-nāgarāja**: vị Rồng chọn lấy **Phật Thế Tôn** làm tên gọi. Bên dưới phần lớn như vậy) **Phạm** Long Vương (Brahmā), **Đế Thích** Long Vương (Indra), **Hải** Long Vương (Samudra), **Hải Tử** Long Vương (Samudra-putra), **Sa Già La** Long Vương (Sāgara), **Kinh** Long Vương (Makara), **Nan Đà** Long Vương (Nanda), **Ưu Ba Nan Đà** Long Vương (Upananda), **Na La** Long Vương (Nala), **Ưu Ba Na Già** Long Vương (Upa-nala), **Thiện Kiến** Long Vương (Sudarśana), **Bà Tu Dĩ** Long Vương (Vāsuki), **Đắc Giải Tử** Long Vương (Takṣa), **A Lâu Na** Long Vương (Aruṇa), **Bà Lâu Na** Long Vương (Varuṇa), **Lục Thế** Long Vương (?Simha), **Hữu Cát** Long Vương (Śrīmā), **Cát Dương Mao** Long Vương (Śrī-kaṇṭha), **Cát Tăng Trưởng** Long Vương (Śrīvarddhana), **Cát Hiền** Long Vương (Śrī-bhadra), **Đại Lực** Long Vương (Mahā-bala), **Ban Lan Sắc** Long Vương (Śalabha), **Thiện Kiên** Long Vương (Sabāhu), **Tu Di Sơn** Long Vương (Sumeru), **Nhật Quang** Long Vương (Sūrya-prabha), **Nguyệt Quang** Long Vương (Candra-prabha), **Vũ** Long Vương (Nṛtye), **Thanh** Long Vương (Gargaja), **Điện** Long Vương (Vidyotana), **Phá** Long Vương (Sphoṭana), **Giáng Vũ** Long Vương (Varṣana), **Vô Cấu** Long Vương (Vimala), **A Lực Kha** Long Vương (Alaka), **A Thỉ Sa** Long Vương (Aśīrṣa), **Bà Lý**

Long Vương (Valaka), **Kha Thi Sa** Long Vương (Khaśīrṣa), **Mã Đầu** Long Vương (Aśva-sīrṣa), **Ngưu Đầu** Long Vương (Gavaya-sīrṣa), **Lộc Đầu** Long Vương (Mrga-sīrṣa), **Trượng Đầu** Long Vương (Hasti-sīrṣa), **Bán Bạch Lộ** Long Vương (), **Nhân Thanh** Long Vương (Nāraśabda), **Chủng Chủng** Long Vương (Citra), **Chủng Chủng Quân** Long Vương (Citra-sena), **Chủng Chủng Nhân** Long Vương (Citrākṣa), **Na Mẫu Chỉ** Long Vương (Namuci), **Mẫu Chỉ** Long Vương (Muci), **Mẫu Chỉ Lân Đà** Long Vương (Mucilinda), **Thanh** Long Vương (Śabda), **Đế Thích** Long Vương (Indra), **Son** Long Vương (Girika), **Đại Son** Long Vương (Mahā-girika), **La Bộ La** Long Vương (Lamburu), **Trùng** Long Vương (Krimi), **Vô Biên** Long Vương (Ananta), **Kim** Long Vương (Suvarṇa), **Cát Đán** Long Vương (Kataka), **Thanh Sắc** Long Vương (Nīla), **Hoàng Sắc** Long Vương (Pīta), **Ý La Bối Đa La** Long Vương (Elapatra), **Loa** Long Vương (Śamkha), **Vô Bán** Long Vương (Aparāla), **Hắc** Long Vương (Kāla), **Tiểu Hắc** Long Vương (Upakāla), **Thiên Lực** Long Vương (Baladeva), **Tỳ Nậu** Long Vương (Viṣṇu), **Mao Bị** Long Vương (), **Khả Úy** Long Vương (Vibhīṣaṇā), **La Sát** Long Vương (Rākṣasa), **Son Kiên** Long Vương (Śaula-bāhu), **Hằng** Long Vương (Gaṅga), **Tân Đầu** Long Vương (Sindhu), **Bạc Khâu** Long Vương (Vakṣu), **Tử Đa** Long Vương (Śīlā), **Ích Cát** Long Vương (Maṅgalya), **A Nậu Đạt Đa** Long Vương (Anavatapta), **Thiện Tích** Long Vương (Supratīṣṭha), **Ê La** Long Vương (Airāvaṇa), **Trì Địa** Long Vương (Dharaṇīndhar), **Trì Sơn** Long Vương (Nimindhara), **Trì Quang Minh** Long Vương (Yutiṁdhara), **Hiền** Long Vương (Bhadra), **Thiện Hiền** Long Vương (Subhadra), **Bảo Hiền** Long Vương (Vasubhadra), **Lực Hiền** Long Vương (Bala-bhadra), **Châu** Long Vương (Maṇi), **Châu Đảnh** Long Vương (Maṇi-kaṇṭha), **Vũ Hắc** Long Vương (Kālaka), **Vũ Hoàng** Long Vương (Pītaka), **Vũ Xích** Long Vương (Lohitaka), **Vũ Bạch** Long Vương (Śvetaka), **Mạn Hoa** Long Vương (Māli), **Xích Mạn** Long Vương (Rakta-māli), **Độc Tử** Long Vương (Vatsā), **Hiền Y** Long Vương (Bhadrapada), **Cổ** Long Vương (Duṇḍubhi), **Cổ Thanh** Long Vương (Duṇḍubhisvara), **A Lạc Chủ** Long Vương (Āmratīrthaka), **Hí Nhi** Long Vương (Maṇisuta), **Tì Đầu Lại Tra** Long Vương (Dhṛtarāṣṭra), **Tỳ Đầu Lực** Long Vương (Virūḍhaka), **Tỳ Lâu Bác Xoa** Long Vương (Virūpakṣa), **Tỳ Sa Môn** Long Vương (Vaiśravaṇa), **Xa Diện** Long Vương (Śakaṭa-mukha), **Khả Úy** Long Vương (?Cāmpēyaka), **Cồ Đàm** Long Vương (Gautāma), **Ngũ** Long Vương (Pañcāla), **Ngũ Kế Khởi** Long Vương (Pañca-cuḍa), **Tích** Long Vương (Vindu), **Tiểu Tích** Long Vương (Upavindu), **A Tu Cả** Long Vương (Alika), **Kha La cả** Long Vương (Kalika), **Bà Lý Cá** Long Vương (Valika), **Ma Ni Đắc Kha La** Long Vương (), **Kim Chỉ Ni** Long Vương (Kincanī), **Kim Giả Na Kha** Long Vương (Kincadaka), **Xỉ Bàn Cá** Long Vương (Kiccaka), **Hắc Cồ Đàm** Long Vương (Kṛṣṇa-gautama), **Phi Nhân** Long Vương (Amanuṣa), **Nhân** Long Vương (Manuṣa), **Căn Nhân** Long Vương (Mūla-manuṣa), **Thượng Nhân** Long Vương (Uttara-manuṣa), **Ma Đẳng Già La** Long Vương (Mataṅga), **Bát Tha Cả** Long Vương (Aḍaka), **Thượng** Long Vương (Uttama), **Lam Phù La** Long Vương (Lampūra), **Thắng** Long Vương (Jaya), **Hương** Long Vương (Gandha), **Hương Sắc** Long Vương (Gandha-rūpa), **A La Bà Đà** Long Vương (Aravāla), **Ma La Bà Đà** Long Vương (Maravāla), **Hữu Ý** Long Vương (Manasvi), **Đại Hữu Ý** Long Vương (Mahā-manasvi), **Cát Trĩ Đa Cả** Long Vương (Karkoṭaka), **Hoan Hỷ** Long Vương (Pramudita), **Ca Bỉ La Thế La Bà** Long Vương (Kapīla- Śaivalaka), **Uất Ba La** Long Vương (Utpalaka), **Na Kha Kha** Long Vương (Nakkhaka), **Bạt Tha Ma Na** Long Vương (Varddhana), **Mộc Xoa Cá** Long Vương (Mokṣaka), **Bột Địa Cả** Long Vương (Buddhika), **Mộc Xoa Bột Địa** Long Vương (Mokṣa-buddhi), **Ba La Mộc Xoa Na** Long Vương (Pramokṣa), hai vị Long Vương

Cam Bà La Tỏa Đa Lao (Kambara-aśvataṛa), hai vị Long Vương **Ý Đà Nhĩ Đào** (Ela Mela), hai vị Long Vương **Nan Thổ Ba Nan Đà** (Nandopananda), **Ái tử Đa** Long Vương (akṣila), **Ma Ha Tu Đà Lý Sa Na** Long Vương (Mahā-sudarśana), **Ba Đà La Kha** Long Vương (Adarśana-mukha), **Ba Lý Giá Đa** Long Vương (Sumukha), **Đà La Ni Đà** Long Vương (Dramiḍa), **Vũ Hắc** Long Vương (Kṛṣṇaka), **Vũ Bạch** Long Vương (Śuklaka), **Thanh Bạch** Long Vương (Nīla-śukla), **Vũ Tiểu Bạch** Long Vương (Upaśuklaka),

Các vị Long Vương này với các Long Vương ở trên đất này, hoặc khi phát ra tiếng, hoặc khi phóng ánh sáng, hoặc khi tuôn mưa, hoặc khi lúa chín. Các vị ấy thường thấy Phật, thọ **Tam Quy Ngũ Giới**, giải thoát được sự sợ hãi Kim Sí Điều, giải thoát sự sợ hãi vì cát nóng, giải thoát sự sợ hãi vua chúa. Thường giữ gìn nơi đất, trụ cung điện báu to lớn, thọ mạng dài lâu, có sức Đại Thần Thông, phú quý tự tại cùng các quyền thuộc thường trừ oán tặc, danh tiếng vang xa, cùng với hàng Trời A Tu La chiến đấu. Các vị Long Vương ấy với con cháu, anh em, đại thần, quân chủ, tôi tớ, quần chúng dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyên thường ủng hộ khiến cho tôi an ổn.

Hoặc ăn thức ăn dư thừa, chẳng ăn thức ăn dư thừa. Hoặc say, chẳng say. Đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, tỉnh, di, lại. Hoặc từ nơi vua chúa, giặc loạn lạc, phóng túng, đói khổ, chết chẳng đúng thời, động đất, sự tử, cọp, sói... Tất cả sự đáng sợ, đều được an ổn.

Từ hàng Trời, Rồng, A Tu La, Ma Hầu Đa, Già Lâu Đa, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Dược Xoa, Lạc Xoa, Ba Ly Đa, Bỉ Sa Giá, Bộ Đa, Cưu Bàn Trà, Phú Đa Na, Kha Đa Phú Đa Na, Sa Can Đà, Uẩn Ma Đà, Xa Da, A Bối Ma La, Uất Sa Đa La, La Cả ... Tất cả sự nghiệp đáng sợ, đều được an ổn.

Kha Nhược La Đà Dĩ La Na, Khởi Tử Quỷ, Tác Thanh Quỷ, Sứ Quỷ, Ác Thực, Ác Thóa, Ác Ảnh, Ác Kiến, Ác Thư, Ác Độ, Chấp Lục... đáng sợ, đều được an ổn.

Các bệnh thuộc nhóm ệnh hắc lao, ghẻ lở, mụn độc, cùi hủi, bứu cổ, khối u... thấy đều trừ khỏi, ngày đêm an ổn.

Nguyên xin tất cả chư Phật thường ban bố cho con được an ổn.

“Na mỗ tử đầu phật đà da

Na mỗ tử đầu bồ đà da

Na mô sa đầu tiêm đa da

Na mỗ sa đầu tiêm đa dã

Na mỗ tì mộc đa da

Na mỗ tì mộc đa dã

Na mô tử đầu mộc đa da

Na mô tử mẫu mộc đa dã

[Namostu buddhāya

Namostu buddhāye

Namostu śāntāya

Namostu śāntāye

Namo vimuktāya

Namo vimuktāye

Namostu muktāya

Namostu muktāye]

Bà la ma na, bà hỉ đa, ba bán đạt ma đê sam na ma, na ma cơ túc đỏa

Nguyên thủ hộ (họ tên...) với quyền thuộc của tôi”

_ Này A Nan! **Đại Không Trước Minh Vương** này là điều mà Đức Tỳ Bà Thi Phật Chánh Biến Tri Giác (**Vipa'syìn**) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vậy:

“A la trí, kha la trí, ma đề, ma đà bạt la đề, a bà ly, sa bà ly, đầu ly đầu ly, thủ ly thủ ly, bộ ly bộ ly, sa bà ly, ba la na la, hồng chỉ hồng chỉ hồng chỉ hồng chỉ hồng chỉ, mầu chỉ mầu chỉ mầu chỉ, sa ha”

[Araḍe, karaḍe, maḍe, madavardhane, avare, śavare, ture ture, cure cure, bhueu bhueu, śavare, parṇa śavare, huci huci huci huci huci, mucu mucu, svāhā].

A Nan! **Đại Không Trước Minh Vương** này là điều mà Đức Thi Khí Phật Chánh Biến Tri Giác (**Śikhìn**) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vậy:

“Nhất trí, mật trí, khẩu đề, tì đề, hỉ lợi, nhĩ lợi, chỉ đầu mầu ly, am bà ly, am bà la ba đề, đàm tỳ, độ đàm tỳ, hỉ lợi hỉ lợi hỉ lợi, cầu chỉ cầu chỉ, mầu chỉ mầu chỉ, sa ha”

[Itte miṭṭe, khure, vikhure, hili, mili, ketu-mule, ambare, ambarāvati, dumba dodumba, hili hili hili, kuci kuci, mucu mucu, svāhā].

A Nan! **Đại Không Trước Minh Vương** này là điều mà Đức Tỳ Thủ Phủ Phật Chánh Biến Tri Giác (**Vi'svabhū**) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vậy:

“Vũ lợi, vũ lợi sí, ma địa, mạn địa ni chỉ, ha ly ha ly, già ly kha ly, phá ly phá lý thi đàn đề, đàn đề, đàn đề ly, xa kha đề, ma kha đề, na trí, na đề ni, thí lợi thí lợi thí lợi, sa ha”

[Mori mori, kevaṭṭi, maṇḍi maṇḍitike, hare hare, ghare, khare, phale phalinidānte, dānti dāntile, śakaṭi makaṭi, naḍe naḍini, śiri śiri śiri śiri, svāhā].

A Nan! **Đại Không Trước Minh Vương** này là điều mà Đức Câu Lưu Tôn Phật Chánh Biến Tri Giác (**Krakucchanda**) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vậy:

“Hỉ đề, bà đề, cư đề, mầu đề, đầu đề, tu trí, đàn đề, đàn đối đàn đề ly, xa nhĩ lý, già ma lợi, tha già lợi, già già lợi can già ni, can già na bà đề, bà ly bà ly bà ly bà ly bà ly, đàn đề tất tha, sa ha”

[Hiḍi, miḍi, kuḍi muḍi, tuḍi, tuḍi, aḍe dante dantile, śakari cakari, thagari, tagari kāmcaṇe, kāmcaṇāvati, vare vare vare vare, dante siddhi, svāhā].

A Nan! **Đại Không Trước Minh Vương** này là điều mà Đức Kha Na Cung Phật Chánh Biến Tri Giác (**Kanakamunī**) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vậy:

“Đàn đa ly, đa ba ly, đa la ly, đa la đô đa ly, đa ly đa ly, tì ly tì xà dịch, bạt thọ bà ly, tỳ la đề tỳ la đề, tỳ la xà tỳ la xà ma tử, ma đề, ma lợi, ma lý ni, vấn đề kì ly vấn đề, tọa ly tọa ly tọa ly tọa ly tọa ly, bạt đà la ba đề, tất địa, sa ha”

[Dantale, tatāle, tatāle, talatutale, tale tale, vīre vijaye, vijjudhare viraje viraje, viraja virajāmasi, mati, māle, mālini muṇḍe śiri muṇḍe, jvale jvale jvale jvale, bhadravati, siddhi svāhā].

A Nan! **Đại Không Trước Minh Vương** này là điều mà Đức Ca Diếp Phật Chánh Biến Tri Giác (**Kaṣyapa**) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vậy:

“An đà ly, can đà ly, mạn đà ly, khán đà ly, diệm phù diệm phù na địa, diệm phù bà đế, mặt đế mặt đế ni sí, a ma ly tăng hí, ha la ha la ha la ha la, ba thủ ba thủ ba thủ ba thủ, ba đế tất địa, sa ha”

[Aṇḍare, kaṇḍare, maṇḍare, khaṇḍare, jambu, jambu-nadi, jambu-vati, matte maṇḍitike, amare siddhe, hara hara, hara hara, paśu paśu paśu paśu paśu, pati siddhi svāhā].

A Nan! **Đại Khổng Tước Minh Vương** này là điều mà nay Ta, **Thích Ca Mâu Ni Phật Chánh Biến Tri Giác (Śākya-muṇi)** đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vậy:

“Hỉ lợi, nhĩ lợi, dĩ lợi nhĩ lợi, y lý ly, đa la vũ ly, a na hỉ, đạ phó đà đạ phó, ỷ tha kha cả bà đề, na la cầu đa, dĩ đề lợi, bồ địa lý sí, cam bộ ưu đà lý ni, bà ta bà, lãng kì đa la đầu nghĩa, bà la nê, phù hu la ni, ba la dĩ lý trí, đạ sát trí, nhĩ lợi đa lợi, y trí ha tu, a bà lệ, ma cơ lệ, bạt trí, bạt đa, bạt trí bà la, đạm tì bà lâu sa đầu đề bộ, sa đắ kha la đầu, tam mạn đế na, da tha, tu khải thí xa tu, địa xa tu, đa vô đà cám, bà bà đầu.

Nam mô phả bà đế, y lợi, đế di, cồ đố hỉ kha dịch, thi lãng già lợi kha di, a lâu chỉ, na lâu chỉ, na trí na trí, bạt thị la na, bạt thị la, ưu đà na, tì lãng dịch, a la đa dịch, bà la đa dịch, na la na la, bát xa da ni, ba lê xa ni dịch, sa ha, tử đàn đầu, mạn đa la ba đà, đà la ni đà da tha. Như người căn Tỳ Kheo Sa Đế thường an ổn”.

[Hili mili, kili mili, ilile, katale, ketu-mūle, aḍamale, aḍamali, anaḍi, ḍapphe ḍaḍapphe, anabhiḍapphuḥ ḍaḍapphuḥ rurupphuḥ, ekarapphuḥ busarake, busatṭe, narakande, kāmini, kāma rūpiṇi, kitili, cokalike kaṃbudaraki, taruṇa taruṇavati, vāsavaratṭe, tarabhuratṭe bharane bhobharane, ruru taravaram, prakṛti damṣṭre, militale, ītihāse, ambale, tumbale, kaliṅge, vaṭṭi vaṭṭi, vaṭṭitike mukule vaṭṭe vaṭṭavāce, aḍantuve, vaṭṭitumbe varṣatu devaḥ śatakr̥tvaḥ, samantena yathā sukhaṃ, daśasdiśasu.

Namo bhagavato, īri jaye, itṭitṭaye, godohikāye, bhṛṅgārikāye, aruci maruci, araje araje, narajit naṭṭe, vaje vaje, natuvaje, udaye priye, aratāle, kuntāle, kulatāle, nārāyaṇi, pārāyaṇi, paśya paśya, nisparṣani, sidhyantu mama saporivārasya sarvasatvānāṃ ca drāmiḍā mantra-padāḥ svāhā.

Như người căn Tỳ Kheo **Sa Đế** thường an ổn].

Như vậy, **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyên an ổn hộ giúp, tất cả chúng sanh nguyện được an ổn.

_ Nay A Nan! **Đại Khổng Tước Vương Chú** này là điều mà **Bồ Tát Di Lặc (Maitreya)** đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vậy:

“Thi lợi thi lợi, thi lợi bạt đà, thọ đế, thọ đế bạt đà ly, ha lệ ha, ha lê ni, đàn đề xa ba ly, thi nhĩ, thủ ba la ni, bồ đề bồ đề bồ đề bồ đề tất đỏa, bồ đề ba lợi già lê ni dịch”

[Śiri śiri, śiri-bhadre, jyoti jyoti, jyoti-bhadre, hare hare, hāriṇi, danti śavare, śive, śulapāṇini, bodhi bodhi bodhi bodhi, bodhisatve, bodhi paripācaṇīye].

Nguyện **Đế Thích** che chở cho cái đầu của tôi. **Kim Cương Thủ** với **Ca Diếp**, nguyện **Đại Lực** che chở cho cái đầu của tôi. **Tỳ Sa Vương** che chở cho cái bụng của tôi. **Bác Xoa Vương** che chở cho trái tim của tôi. Khiến cho tôi làm tất cả điều thiện lành.

“Kha la, tỳ xá già, địa hỉ ba đế, lặc xoa, lặc xoa phạm, bồ bà bộ đế, sa ha”

_ Đây A Nan! **Đại Không Túc Vương Chú** này là điều mà **Phạm Nhất Thiên Thế Giới Chủ** (Sāhampati) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vậy:

“**Hỉ lợi hỉ lợi, ha lợi ha lợi, nhĩ lợi nhĩ lợi nhĩ lợi nhĩ lợi, ma lê ni bằng câu lợi, cơ lợi cơ lợi cơ lợi cơ lợi cơ lợi, ma lợi cơ lý để, bà la ma di, xoa la sí, tì đồ ha, tì đồ ha phó tí, phó lậu phó lậu phó lậu phó lậu, sa ha**”

[Hiri hiri, hari hari, miri miri miri miri miri, mālīni vaṅkari, kiri kiri kiri kiri kiri, vāri kirīṇi, brahmāye, ratna-kuraṇḍake, viḍoḥa viḍoḥa-phuse, phuru phuru phuru phuru].

Yểm Sát Độc Hại. Phật lực, Duyên Giác lực, A La Hán lực, A Na Hàm lực, Tu Đà Hoàn lực Thật Ngữ, Phạm **trượng** (cây gậy), Đế Thích **Kim Cương** (chày Kim Cương), Tỳ Nữu **thiết luân** (bánh xe sắt), Hỏa Thiêu Long **thằng** (sợi dây), A Tu La **Huyền Long Điện**, Ma Ê Thủ **xoa** (cây kích xoa), Sa Can Đà **tích** (thiếc, cây gậy tâm xích), Đại Không Túc Vương Chú....Các độc giết hại, nguyện đều vào lòng đất, khiến cho chúng tôi (họ tên...) đều được an ổn

Chuyển đời tất cả nhóm Ròng độc, **vật độc** (Cổ), điều mà con người đã làm. Chất độc do răng cắn, điện, mưa, rắn, chuột, ung thư, loài sâu phun dãi độc, con rết, con ếch ương, ruồi nhặng, muỗi, ong, bò cạp, **Hiệt Liễm Phụ Cá Để Lý La**, người, Phi Nhân, thuốc lạ...Nguyện đưa các chất độc đều vào trong lòng đất.

_ Đây A Nan! **Đại Không Túc Vương Chú** này là điều mà **Đế Thích Thiên Vương** (Indra) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vậy:

“**Địa la, thiên đầu lệ, tác ti trí, thiên đầu lệ, ma ha ni, kha đa ni, già la sa ni, hỉ lợi, thi lợi, đà do để, thi lợi, đa lâu na tăng hỉ, ha ha ha ha ha ha, tăng hề, si để, tì si để, câu lậu câu lậu, ma la thứ, đầu đà đầu đà tử, bà đà bà đà tử, tử lợi tử lợi, ca bĩ lệ, ca tỳ la mẫu lệ, ha hỉ hóng, tát bà đầu sử đa, bà la đầu sử đa nam, diệm bà nam, ca đậu nhĩ, sa ha đa lý đà thế, hỉ đề, tỳ hỉ, uất đặng kì lợi, tu la ba để, bạt để, bạt xà la bạt xà la bạt xà la bạt xà la bạt xà la ba đa dịch, sa ha**”

[Jalā, jantule, cāpeṭi jantule, mathāni, ghātani, grasani, hari-śiri, dyuti-śiri, taruṇavati, hā hā hā hā hā hā, simhe, dhiti vidhiti, kuru kuru, viraja, tuṭa tuṭasi, vaṭa vaṭasi, sili sili, kapile kapilamūle, ha hī hu, sarva duṣṭa, pradusṭānām, jambhanam karomi, sahatradāse, hide vehi, utṭiṅgiṇi, surapati vartti, vajra vajra, vajra vajra, vajrapataye svāhā].

_ Đây A Nan! **Đại Không Túc Vương Chú** này là điều mà **bốn vị Thiên Vương** (catvāraḥ mahā-rājikāḥ) đã nói, đã tùy hỷ. Chú ấy như vậy:

“**Tọa la tọa la nại, đa ba đa ba nại, đà ma đà ma nại, bà la bà la nại, dĩ để dĩ để, bĩ trí bĩ trí, bà la bà la, ha la ha la, đa la để lý, đà đà đà đà đà, bà bà bà bà bà, ha la ha la ha la ha la ha la, tất địa hỉ tất địa hỉ tất địa hỉ tất địa hỉ tất địa hỉ, tất tử để tất tử để tất tử để tất tử để**”

[Jvala jvalana, tapa tapana, dhama dhamana, sara saraṇa, kuṭi kuṭi, muṭi muṭi, miṭi miṭi, sara sara, hara hara, tara tara, dā dā dā dā dā, vā vā vā vā vā, hala hala hala hala hala, siddhi siddhi siddhi siddhi siddhi, svasti svasti svasti svasti svasti svāhā].

Tôi (họ tên...) từ sự trị phạt của tất cả Tróc Nhân Quỷ Binh, Âm Minh Dạ Tử, Trì Thằng Sở Phục Quỷ Tử trở xuống... đều để có trị phạt. Sự trị phạt của Phạm trượng, Đế Thích trượng, Tiên Nhân trượng, Thiên trượng, Long trượng, A Tu La trượng, Khẩn Na La trượng, Ma Hầu La Già, Dược Xoa, La Sát, Tì lễ Đa (Đời Lương nói là *Nga Quỷ*), Tỳ Xá Trà (Đời Lương nói là *Nguyện Quỷ*), Bộ Đa, Cưu Bàn Trà,

Phú Đan Na, Kha Đa Phú Đan Na, Sa Can Đa, Oán Ma Tha, Xa Da, A Bát Sa Ma La, Uất Đa La Kha, Tỳ Đa La, **La Xà** (Rāja:vua chúa), nước, lửa, giặc cướp... Từ tất cả sự trách phạt, nguyện tội với quyền thuộc thủy đều an ổn.

Này A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của các vị **Hà Vương** (Nadī-rājañī:Vua sông). Tên ấy như vậy: **Tân Đầu** Hà Vương (Sindhū-nadī-rājñī), **Hằng** Hà Vương (Gaṅgā-nadī-rājñī), **Bạc Khâu** Hà Vương (Vasū-nadī-rājñī), **Tử Đa** Hà Vương (Śilā -nadī-rājñī), **Sa La Bộ** Hà Vương (Sarabhū-nadī-rājñī), **A Thị La Bà Để** Hà Vương (Ajiravatī-nadī-rājñī), **Diêm Mầu Na** Hà Vương (Yamunā-nadī-rājñī), **Cầu Ha** Hà Vương (Kuhā-nadī-rājñī), **Tì Đa Sa Đa** Hà Vương (Vitastā-nadī-rājñī), **Sa Đa Đà Lao** Hà Vương (Śatadrū-nadī-rājñī), **Tì Ba Sa** Hà Vương (Vipāśā-nadī-rājñī), **Y La Bà Để** Hà Vương (Airavatī -nadī-rājñī), **Chiên Đà Ba La Bà** Hà Vương (Candrabhāg-nadī-rājñī), **Sa Lại Bà Để** Hà Vương (Sarasvatī -nadī-rājñī), **Cát Xa Bỉ** Hà Vương (Kacchapī -nadī-rājñī), **Ba Lậu Sa Nậu** Hà Vương (Payoṣṇī-nadī-rājñī), **Kha Tì Lê** Hà Vương (Kāverī -nadī-rājñī), **Đa Ma La Bát Ni** Hà Vương (Tāmraparñī -nadī-rājñī), **Ma Thâu Ma Để** Hà Vương (Madhumatī-nadī-rājñī), **Biệt Đa La Bà Để** Hà Vương (Mitrāvatī-nadī-rājñī), **Úc Khẩu Ma Để** Hà Vương (Ikṣumatī-nadī-rājñī), **Nại Ma Đà** Hà Vương (Narmadā-nadī-rājñī), **Tu Mật Đa La** Hà Vương (Saumitrā-nadī-rājñī), **Bật Sa Mật Đa La** Hà Vương (Viśvamitrā-nadī-rājñī), **Đa Ma La** Hà Vương (Tāmarā-nadī-rājñī), **Bát Già La** Hà Vương (Pañcālā-nadī-rājñī), **Tu Bà Tử Đầu** Hà Vương (Suvastū-nadī-rājñī), **Ba La Bạt Đặc Lợi Kha** Hà Vương (Prabhadrikā-nadī-rājñī), **Đa Bô Đà** Hà Vương (Tapodā-nadī-rājñī), **Tỳ Ma La** Hà Vương (Vimalā-nadī-rājñī)

Các vị **Hà Vương** này với các dòng chảy khác, cho đến tất cả con sông trên mặt đất. Chư Thiên, Rồng, A Tu La, Ma Lâu Đa, Già Lâu Đà, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Dược Xoa, La Sát Sa, Tất Ly Đa, Bỉ Sa Già, Bộ Đa, Cưu Bàn Trà, Phú Đan Na, Kha Đa Phú Đan Na, Sa Can Đa, Oán Ma Đà, Xa Da, A Bát Sa Ma La, Uất Đa La Kha, loài hút tinh khí con người, ăn thịt, ăn bào thai, uống máu tủy. Ăn dầu mỡ, sinh khí, bụi cây, thọ mạng cho đến vòng hoa, hương, hoa, quả trái, mầm giống, thức ăn thiêu đốt trong lửa, thứ thối nát, phân, nước tiểu, nước bọt, nước mũi, nước dãi, thứ nhạt nhẽo dư thừa, thứ nôn mửa, thứ chẳng sạch. Mọi loại xấu ác của các **Đạm Thực Quỷ**, nguyện thủ hộ tội, khiến sống trăm tuổi.

Này A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của các vị **Sơn Vương** (Parvata-rāja:Vua núi). Tên ấy như vậy: **Tu Di Sơn Vương** (Sumeru-parvata-rāja), **Tuyết Sơn Vương** (Himavān-parvata-rāja), **Càn Thát Ma Đà Na Sơn Vương** (Gandhamādana-parvata-rāja), **Bách Đảnh Sơn Vương** (Śataṣṭṅga -parvata-rāja), **Kha Đặc La Kha Sơn Vương** (Khadiraka-parvata-rāja), **Kim Sí Sơn Vương** (Svarṇapārśva-parvata-rāja), **Tri Quang Minh Sơn Vương** (Dyutin-dhara-parvata-rāja), **Ni Mân Đà La Sơn Vương** (Nimin-dhara-parvata-rāja), **Chước Cả La Bà Đà Sơn Vương** (Cakra-vāḍa-parvata-rāja), **Ma Ha Chước Cả La Bà Đà Sơn Vương** (Mahā-cakra-vāḍa-parvata-rāja), **Bà La Ma Sơn Vương** (Brahmā-parvata-rāja), **Sao Phạm Ma Sơn Vương** (Brahmālaya-parvata-rāja), **Hữu Cát Sơn Vương** (Śrīmanta-parvata-rāja), **Thiện Kiến Sơn Vương** (Sudarśana-parvata-rāja), **Thiện Sí Sơn Vương** (, **Đại Sơn Vương** (Vipula-parvata-rāja), **Bảo Xứ Sơn Vương** (Ratnākara-parvata-rāja), **Dĩ Lý Mỹ Sa Sơn Vương** (Krimila-parvata-rāja), **Châu Cảnh Sơn Vương** (Maṇikūṭa-parvata-rāja), **Đế Thích Sơn Vương** (Indraśaila-parvata-rāja), **Bãi Ma Chất Đa La Sơn Vương**

(Vemacitra-parvata-rāja), **Kim Cương Xứ Sơn Vương** (Vajrākara-parvata-rāja), **Khúc Tùy A Tu La Sơn Vương** (Asuraprāgbhāra-parvata-rāja), **Ha Nậu Ma Chất Đa La Sơn Vương** (), **Điện Quang Sơn Vương** (Vidyunprabha-parvata-rāja), **Sa Đà Na Sơn Vương** (), **Nguyệt Quang Sơn Vương** (Candrakānta-parvata-rāja), **Nhật Quang Sơn Vương** (Sūryakānta-parvata-rāja), **Tì Đầu Sơn Vương** (), **Tần Tha Đa Sơn Vương** (Vimdhya-parvata-rāja), **Hiền Thạch Sơn Vương** (Bhadraśaila-parvata-rāja), **Chủng Chủng Đảnh Sơn Vương** (Citrakūṭa-parvata-rāja), **Ma La Đa Sơn Vương** (Malaya-parvata-rāja), **Mã Nhĩ Sơn Vương** (Aśvancha-parvata-rāja), **Ba Lý Trì Đa La Sơn Vương** (Parijāta-parvata-rāja), **Thiện Kiên Sơn Vương** (Subāhu-parvata-rāja), **Châu Mê Sơn Vương** (Maṇimanta-parvata-rāja), **Tu Tiên Na Sơn Vương** (Suṣena-parvata-rāja), **Phạm Uế Sơn Vương** (Brahmatuṇḍa-parvata-rāja), **Bì Lâu Cát Xa Sơn Vương** (), **Cồ Ha Na Sơn Vương** (Gokarṇa-parvata-rāja), **Ma La Chất Đa La Sơn Vương** (Mālyacitra-parvata-rāja), **Khát Già Sơn Vương** (Khaṅga-parvata-rāja), **Sa Đà Bà Na Sơn Vương** (Tāpana-parvata-rāja), **Vấn Xà Sơn Vương** (Añjena-parvata-rāja), **Lâu Lâu Bà Tu Sơn Vương** (Rurubha-parvata-rāja), **Đạt Đà La Sơn Vương** (Dardana-parvata-rāja), **Kê La Bà Sơn Vương** (Kailāsa-parvata-rāja), **Ma Ê Đầu Sơn Vương** (Mahendra-parvata-rāja)

Các vị vua ấy trụ ở trên mặt đất. Nơi ấy: nhóm của của chư Thiên, Rồng, A Tu La, Ma Lâu Đa, Già Lâu Đà, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Dược Xoa, La Sát Sa, Bì Ly Đa, Bì Sa Già, Bộ Đa, Cưu Bàn Trà, Phú Đan Na, Kha Đa Phú Đan Na, Sa Can Đà, Oán Ma Đà, Xà Đa, A Bát Sa Ma La, Uất Đa La Kha, Tất tha, bạt đà tha la... với các quyền thuộc thường trụ ở chốn ấy.

Các vị ấy lại dùng **Đại Không Tước Vương Chú** này. Nguyên thủ hộ tôi khiến sống trăm tuổi, trừ tất cả ác, nhận tất cả Thiện. Chư Phật hộ niệm ngày đêm an ổn, Sa Ha.

_Này A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của các vị **Tinh Thần** (các vị sao) thường đi trên hư không. Tên ấy như vậy:

Cơ Lật Để Kha (Kṛttikā), **Lỗ Hỉ Ni** (Rohinī), **Ma Lê Già Thi La** (Mṛgaśirā), **A Đà La** (Ārdra), **Bất Nại Na Bà Tu** (Punarvasu), **Phất Sa** (Puṣya), **A Sa Ly Sa** (Āśleṣā). Bảy vị sao này thường ở cửa Đông, thủ hộ phương Đông, cũng dùng **Đại Không Tước Vương Chú** này. Nguyên thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

Ha Khả (Maghā), **Vũ Phả** (Pūrva-phalgunī), **cầu Ni** (Uttara-phalgunī), **Ha Sa Đa** (Hastā), **Chất Đa La** (Citrā), **Bà Để** (Svātī), **Tì Thích Kha** (Viśākhā). Bảy vị sao này thường ở cửa Nam, thủ hộ phương Nam, cũng dùng **Đại Không Tước Vương Chú** này. Nguyên thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

A Nậu La Tha (Anurādhā), **Sách Sa Tha** (Jyeṣṭhā), **Muru Lam** (Mūla), **Phất Bà Sa Tha** (Pūrvāśādhā), **Uất Đa La Sa Tha** (Uttarāśādhā), **A Tỳ Chỉ** (Abhijit), **Sa La Ba Na** (Śravaṇā). Bảy vị sao này thường ở cửa Tây, thủ hộ phương Tây, cũng dùng **Đại Không Tước Vương Chú** này. Nguyên thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

A Trà Tha (Dhaniṣṭhā), **Xả Đa Tì Sa** (Śatabhiṣā), **Phất Bà Bạt Đà La** (Pūrva-bhādrapadā), **Uất Đa La Bạt Đà La** (Uttara-bhādrapadā), **Ly Bà Để** (Revatī), **A Ly Ni** (Āsvini), **Bà La Ni** (Bharanī). Bảy vị sao này thường ở cửa Bắc, thủ hộ phương Bắc, cũng dùng **Đại Không Tước Vương Chú** này. Nguyên thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

Hai mươi tám vị sao này, mỗi một phương có bảy vị. Bảy vị sao như vậy với mặt trời, mặt trăng ẩn hiện, tăng giảm, thường đi ở Thế Gian có đại quang minh, Thần

Thông. Ta đã chí Tâm nguyện cũng tùy hỷ **Đại Không Tước Vương Chú** này. Nguyện thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

_Này A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của các vị **Tiên Nhân** (Rṣī) thành tựu các Hạnh, Quang Minh Khổ Hạnh, thường trụ ở sông nhỏ, sông lớn, rừng, núi. Ngôn ngữ, Thuật Nghệ, đánh phạt, có Thần Thông, phi hành tự tại. Nay Ta sẽ nói tên các vị ấy như vậy: **Ái Sa Đa Cả Ma Ha Lý Sử** Đại Tiên Nhân (Aṣṭamaka-mahārṣī), **Bà Ma Cá** Đại Tiên Nhân (Vāmaka-mahārṣī), **Bà Ma Đề Bà** Đại Tiên Nhân (Vāmadeva-mahārṣī), **Bà Lý** Đại Tiên Nhân (Mārici-mahārṣī), **Mạt Can Đà Da** Đại Tiên Nhân (Mārkaṇḍeya-mahārṣī), **Bật Sa Mật Đa La** Đại Tiên Nhân (Viśvāmitra-mahārṣī), **Bà Tất Tha** Đại Tiên Nhân (Vasiṣṭha-mahārṣī), **Ca Diếp Ba** Đại Tiên Nhân (Kāśyapa-mahārṣī), **Tỳ Lật Tha Ca Diếp Ba** Đại Tiên Nhân (Vṛddha-kāśyapa-mahārṣī), **Tì Lê Cữu** Đại Tiên Nhân (Bhṛgu-mahārṣī), **Ương Kỳ La Bà** Đại Tiên Nhân (Aṅgīrasa-mahārṣī), **Ương Kỳ La** Đại Tiên Nhân (Aṅgīra-mahārṣī), **Ương Kỳ La Sa** Đại Tiên Nhân (Bhṛṅgīrasa-mahārṣī), **Bà La Kỳ La Tha** Đại Tiên Nhân (Bhagiratha-mahārṣī), **A Đề Ly** Đại Tiên Nhân (Ātreya-mahārṣī), **Phú Lại Sa Tha** Đại Tiên Nhân (Pulastya-mahārṣī), **Tử Thâu La Thi La** Đại Tiên Nhân (Mṛga-sīrṣai-mahārṣī), **Xà Ma Độ Già Ni** Đại Tiên Nhân (Yamāgni-mahārṣī), **Đề Huê Ba Da Na** Đại Tiên Nhân (Vaisampāya-mahārṣī), **Dĩ Lật Sa Na Đề Ba Da Na** Đại Tiên Nhân (Kṛṣṇa-vaisampāya-mahārṣī), **Ha Lý Đề** Đại Tiên Nhân (Hārīta-mahārṣī), **Ha Lý Đa Da Na** Đại Tiên Nhân (Hārītāya-mahārṣī), **Sa Mãng Kỳ La** Đại Tiên Nhân (Samaṅgīra-mahārṣī), **Sạn Đế Bà Tri** Đại Tiên Nhân (Kṣāntivādi-mahārṣī), **Dĩ La Đề** Đại Tiên Nhân (Kīrtti-mahārṣī), **A Dĩ La Đề** Đại Tiên Nhân (Sukīrtti-mahārṣī), **Cầu Lâu** Đại Tiên Nhân (Guru-mahārṣī), **Bồ Kha Đa** Đại Tiên Nhân (Potalaka-mahārṣī), **Kha Bồ Đa Kha** Đại Tiên Nhân (), **Ái Đa La Đa Na** Đại Tiên Nhân (Aśvalāya-mahārṣī), **Hì Ma Bàn** Đại Tiên Nhân (Himavān-mahārṣī), **Lỗ Hỉ Trước Chỉ** Đại Tiên Nhân (Lohitākṣa-mahārṣī), **Đoạt Bà Sa** Đại Tiên Nhân (Durvāsa-mahārṣī), **Tỳ Sam Ba Da Na** Đại Tiên Nhân (), **Bàn Mễ Kha** Đại Tiên Nhân (), **Đà Na** Đại Tiên Nhân (Dāna-mahārṣī), **La Bộ** Đại Tiên Nhân (), **Đầu Cô Lô Đà Na** Đại Tiên Nhân (), **Tì Lê Hại Sa Ba Đề** Đại Tiên Nhân (Vṛhaspati-mahārṣī), **A La Niên Ni** Đại Tiên Nhân (Aranemīni-mahārṣī), **Sa Ni Già La** Đại Tiên Nhân (Śanaiśvara-mahārṣī), **Bộ Tha** Đại Tiên Nhân (Budha-mahārṣī), **Thượng Cầu Lê** Đại Tiên Nhân (Jaṅguli-mahārṣī), **Hàn Na Lý** Đại Tiên Nhân (Gandhāra-mahārṣī), **Ý Giới Ni Lãng Già** Đại Tiên Nhân (Ekaśṛṅga-mahārṣī), **Mi Lê Già Thi Lãng Già** Đại Tiên Nhân (Rṣyaśṛṅga-mahārṣī), **Kiệt La Già** Đại Tiên Nhân (Garga-mahārṣī), **Đán Đà Da Na** Đại Tiên Nhân (), **Vu Bà Da Na** Đại Tiên Nhân (), **Tỳ Ma Ma Đãng Già** Đại Tiên Nhân (Mataṅga-mahārṣī), **Kiếp Tì La** Đại Tiên Nhân (Kapila-mahārṣī), **Cồ Đàm** Đại Tiên Nhân (Gotama-mahārṣī), **Lỗ Hỉ Đa Sa** Đại Tiên Nhân (), **Tu Niết Đa La** Đại Tiên Nhân (Sunetra-mahārṣī), **Bà Đà Cật La** Đại Tiên Nhân (Citrākṣa -mahārṣī), **Na La Đà** Đại Tiên Nhân (Nārāyaṇa-mahārṣī), **Cụ Bà Đa** Đại Tiên Nhân (Parvata-mahārṣī), **A Dĩ Lý Mễ Lô** Đại Tiên Nhân (Krimilā-mahārṣī)

A Nan! Tiên Nhân trước kia tạo làm bốn **a Vi Đà**, thường nói Chú Thuật, hay khiến cho con người thành tựu Thiện Ác, Khổ Hạnh. Cũng dùng **Đại Không Tước Vương Chú** này. Nguyện thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

Tên ấy như vậy:

“Ha lê ha lê ha lê, khi lê, ni lê, tu lê tu lợi, hỉ lợi hỉ lợi, my lợi my lợi, đạ phó đà đạ phó, già la bà ni, ma tha ni, đà ha ni, kha đa ni, ba già ni, ba đa ni, ha

na ni, đà ni, đà la ni, già la già la ni, ba đa ni, muru ha ni, sa đam bà ni, diêm bà ni, sa ha”

[Hiri hiri, khiri khiri, muri muri, puri puri, hili hili, mili mili, đapphu đapphu, đạđapphu, grasani, mathani madani dahani, ghātani, pacani, pācani, pātani, tapani, tāpani, hanani, dala dala, nipāṭani, mohani, jambhani, stambhani svayaṃtuve svāhā].

_ Nay A Nan! Ông nên chọn lấy tên gọi của **Đại Độc**. Tên ấy như vậy: **An Đà La** (Aṇḍarā), **Bát Đà La** (Paṇḍarā), **Kha La La** (Karalā), **Chỉ Do La** (Keyūra), **Bộ Đẳng Già Ma** (Bhūtaṅgamā), **Bộ Đa Ba Để** (Bhūtapati), **Tần Đầu Ba Để** (Viṃdupati), **Tử Lý Ba Để** (Śiripati), **Để Xà Ba Để** (Tejapati), **Để Xà Già La Ba Để** (Tejograpati), **Da Xa Ba Để** (Yaśopati), **Da Xa Già La Ba Để** (Yaśograpati), **A La La** (Araḍā) **Đa La La** (Taraḍā), **Đa La Đoạt Đa La Đàn Đa** (Taratarāḍadanta), **Đà Ha** (jahā), **Thị La** (jelā), **Thị Lam** (melā) **Pha La** (Phalā) **Cầu** (Guhā), **Lưu Chi La** (Rudhirā), **Đàn Đầu La** (dantulā), **Y Lợi Dĩ Già Cơ Lê Dĩ** (Irikicikākiri), **Già Xa Đa** (Kacikā), **Đầu La** (Śatanturā), **Tì Câu Lợi** (Vipuli), **Na Câu Lợi** (Nakuli), **Y Lợi Dĩ Lực Khởi** (Irikicikā), **Đa Lãng Già Lật Sa Tha** (Taraṅgātiṣṭha), **A La Ma Để** (Āmramati), **Diêm Phù Ma Để** (Jambumati), **Ma Mâu Ma Để** (Madhumati), **A Thâu Ma Tha Để** (), **Kha Ma Ly** (Kamale), **Tỳ Ma Ly** (Vimale), **Quân Đà Ly** (Kuṇḍale), **A Để Na Để** (Aḍinaḍi), **Bạc chỉ** (Vakke), **Bạc Cà Đầu Để** (Vakkadūtṭe), **Bạt Sa Na Bí** (Vastanābhe), **Ma Ha Già Ly** (Mahāgale), **Đầu Lâm Bì** (Tulambe)

A Nan! Tên gọi của Đại Độc này, cũng dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyên thủ hộ tôi, khiến sống trăm tuổi.

_ Nay A Nan! **Đại Khổng Tước Vương Chú** này đã được bảy Đức Chánh Biến Tri (Samyaksambuddha) nói như vậy. **Tỳ Bối Thi** Chánh Biến Tri (Vipa'syinsamyaksambuddha), **Thi Khí Phật** (Śikhin-buddha), **Tất Sa Bộ** (Vi'svabhū), **Kha La Câu Tán** (Krakucchanda), **Kha Na Kha Lao Ni Phật** (Kanakamunī-buddha), [Thiếu Ca Diếp Phật (Kaṣyapa-buddha)]. Nay Ta **Thích Ca Mâu Ni Chánh Biến Tri** (Śākya-muṇi-samyaksambuddha) đã nói. Nhóm Đế Thích, bốn vị Thiên Vương, 28 vị Càn Thát Bà Quân Chủ, 28 vị Cưu Bàn Trà Quân Chủ, 28 vị Long Quân Chủ, 28 vị Dạ Xoa Quân Chủ, Bát Chỉ Kha Đại Dược Xoa Quân Chủ, Ha Lê Để Lạc Xoa Nữ với 500 người con... đã tùy hỷ.

A Nan! **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Hàng Trời, Rồng, A Tu La, Ma Lâu Đa, Già Lâu Đà, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Dược Xoa, La Sát Sa, Bỉ Ly Đa, Tì Thiết Già, Bộ Đa, Cưu Bàn Trà, Phú Đan Na, Kha Đa Phú Đan Na, Sa Can Đà, Oán Ma Đà, Xà Da, A Bối Ma La, Uất Đa Na... Tất cả chỗ đã bó buộc, chẳng thể được vượt qua.

Hoặc loài hút tinh khí con người, cho đến nhóm ăn thứ nôn mửa, ăn thứ chẳng sạch... chẳng thể vượt qua được sự việc. Với Khởi Tử Quỷ, Tác Thanh Quỷ, Binh Quỷ, Ác Thực, Ác Thóa, Ác Ảnh, Ác Kiến, Ác Thư, Ác Độ... Bệnh của nhóm một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, nửa tháng, một tháng, một thời, một năm thường luôn nóng lạnh, hơi nóng hơi lạnh, Quỷ Thần gây nóng lạnh, gió lạnh, đằm ẩm, hòa hợp nóng lạnh, ghê lở, cùi hủi, ung nhọt, rôm sảy, nổi cục, bứu cổ... Nhóm Cô Độc gây sự sợ hãi, tai hại, não loạn, ôn dịch với tất cả bệnh khổ... có thể độ thoát.

_ Nay A Nan! Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nếu người hay dùng tên gọi ấy để tự thủ hộ thì tất cả bệnh khổ chẳng thể đến gần xâm phạm được. Nếu

người đáng bị cột trói thì chỉ bị phạt mà được giải thoát. Nếu đáng bị roi sắt đánh thì chỉ dùng cây gậy mà được giải thoát. Nếu đáng bị gậy đánh thì chỉ bị đánh hờ trên cao mà được giải thoát. Nếu đáng bị đánh hờ trên cao thì chỉ bị giận dữ mắng chửi mà được giải thoát. Nếu đáng bị giận dữ mắng chửi thì chỉ bị la rầy răn dạy mà được giải thoát. Nếu đáng bị la rầy răn dạy thì tự nhiên được giải thoát.

Không bị vua chúa gây sự sợ hãi, không bị giặc cướp gây sự sợ hãi, không bị nước lửa gây sự sợ hãi, chẳng bị chết vì nước cuốn chìm, chất độc chẳng hại được thân, khí trượng chẳng thể gây thương tích, thức giấc thường an ổn, ban đêm thấy mộng tốt lành, không có các khổ loạn, oan gia, bạn ác...tất cả đều được giải thoát, lại không có sự sợ hãi, trừ **nghiệp mới bắt đầu báo ứng** (sơ báo nghiệp)

_A Nan! **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Hoặc lúc mưa nhiều, hoặc lúc khô hạn thì cần nên đọc tụng. Các vị Rồng kinh sợ, hoặc tuôn mưa hoặc quang tạnh. Hoặc hạn hán liền tuôn mưa. Thiện Nam Tử tùy ý cầu nguyện.

A Nan! Nhớ **Đại Khổng Tước Vương Chú** này thì hay diệt tất cả sự sợ hãi, huống chi là hay thọ trì đọc tụng. Nếu làm trăm gút, cũng hay trừ diệt tất cả sự sợ hãi.

A Nan! Ông nên thọ trì **Đại Khổng Tước Vương Chú** này để thủ hộ cho bốn Chúng: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di lia tất cả sự sợ hãi.

Chú ấy như vậy:

“Da bà đàn đẽ, da bàn đẽ, tha đẽ, tha lạc dĩ, đẩu lâu đẩu lâu nhĩ, sa ha”

[Yāvati, dhānati, varaki, kuru turu me svāhā]

_ **Tham Dục** (Rāga), **Sân** (Dveṣa), **Si** (moha) là ba độc ở đời. Đức Như Lai đã không có, là chỗ trừ bỏ của **Đạo Đế** (Mārga-satya). **Tham Dục, Sân, Si** là chỗ diệt của **Pháp Đế** (Dharma-satya). Như ba độc này, mọi **Đế** (Satya) hay giết chết, Phật Pháp tăng sức mạnh. Nguyên thủ hộ tôi, dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** để trừ diệt. Nguyên tôi an ổn.

Thế Tôn! A Nan nghe điều Đức Phật đã nói, cung kính đánh lễ, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng theo bên phải rồi đi đến chỗ của Tỳ Kheo **Sa Đễ**, kết Giới kết Địa, dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này vì Tỳ Kheo **Sa Đễ**, cũng nói Chú nhiếp thọ thủ hộ, lia các độc khổ, tịch nhiên an ổn.

A Nan làm cho Tỳ Kheo **Sa Đễ** nghe nói Chú xong liền có thể đi bộ. Thời Trưởng Lão **A Nan** với Tỳ Kheo **Sa Đễ** cùng đi đến chỗ của Đức Phật, cúi đầu mặt lễ bàn chân của Đức Phật, rồi lui về đứng một bên. Đầy đủ xong thì bạch với Đức Phật.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Trưởng Lão A Nan: “Thế nên A Nan! Ông nên nói **Đại Khổng Tước Vương Chú** này cho bốn Chúng: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di”

A Nan bạch Phật: “Lành thay! Bạch Đức Thế Tôn!”

Bấy giờ Trưởng Lão A Nan nhận lời Phật dạy xong, liền nói cho bốn Chúng, Tỳ Kheo **Sa Đễ** cùng với chúng của tám Bộ Trời, Rồng, Dược Xoa...nghe điều Đức Phật đã nói, thấy đều vui vẻ.

KINH KHỔNG TƯỚC VƯƠNG CHÚ _QUYÊN HẠ (Hết)_

(Trong hàng thứ tư bên trong 26 cuộn giấy, dựa theo bản dịch khác nên Kinh bị thiếu Đức Phật **Ca Diếp**. Bản Nam Bắc không có cho nên chẳng dám thêm vào)

Kết Chú Giới Pháp:

Bạch (tơ lụa) Thi Lê Mật nêu ra trước tiên (?). Dùng đá, tro, đất khô rải tán mặt đất, làm ba lớp phân chia **Giới**

Từ góc Đông Bắc đến góc Đông Nam. Đây là chỗ trú của Đông Phương Càn Thát Bà Vương

Đề Đầu Lại (Dhṛta-rāstra) Tướng Soái, quan thuộc, Quý Thần, Đại Tướng Quân thủ hộ vách tường phía Đông

Từ góc Đông Nam đến góc Tây Nam. Đây là chỗ trú của Nam Phương Cưu Bàn Trà Vương

Tỳ Lô Lạc (Virūdhaka) Tướng Soái, quan thuộc, Quý Thần, Đại Tướng Quân thủ hộ vách tường phía Nam

Từ góc Tây Nam đến góc Tây Bắc. Đây là chỗ trú của Tây Phương Đại Long Vương

Tỳ Lô Bác Xoa (Virūpākṣa) Tướng Soái, quan thuộc, Quý Thần, Đại Tướng Quân thủ hộ vách tường phía Tây

Từ góc Tây Bắc đến góc Đông Bắc. Đây là chỗ trú của Bắc Phương Dạ Xoa Vương

Tỳ Sa Môn Thiên Vương (Vaiśravaṇa) Tướng Soái, quan thuộc, Quý Thần, Đại Tướng Quân thủ hộ vách tường phía Bắc

Chú xong, giải **Giới**. “Các Quý Thần bị cột trời trong đây. Nay Ta giải Giới. Ngươi nghe xong, tùy ý đi”.

5 cây đao dài năm thước (5/3 m), 5 cây phan ngũ sắc, 21 mũi tên, 21 chén đèn, 5 mặt gương, An Túc Hương, Huân Lục Hương, nước nóng thơm, đất bùn. Đường bên ngoài (ngoại đạo) Chứa vào nước đá bỏ sôi trát mặt đất, thiêu đốt hạt cải trong lửa, tức trên thân của Quỷ ác liền bốc lửa. Vẽ làm tượng Quỷ, dùng cây roi bằng cành Thạch Lựu đánh, thời trong miệng của Quỷ ác chảy máu.

ĐÀN PHÁP

鏡: cái gương soi, 燈: cây đèn, 刀: cây đao, 幡: cây phan, 香爐: lò hương



Hiệu chỉnh xong một Bộ gồm hai quyển vào ngày 03/11/2012